TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Vân;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt*"

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ là ông Phạm Lê D - Luật sư đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Luật X. "*vắng mặt*"

2. Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-3-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và Võ Thị L trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bà L thường xuyên chửi bới ông Đ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên ông Đ yêu cầu ly hôn đối với bà Võ Thị L.

Về con chung: Ông Đ và bà L có một con chung tên Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 11-01-2002. Hiện tại, anh Đ1 đã thành niên, tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ là ông Phạm Lê D trình bày:

Ông Đ và bà L thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Bà L cũng xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, không có giải pháp hàn gắn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông Đ và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông D đề nghị Tòa án chấp nhân yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà L.

Bị đơn – bà Võ Thị L đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L thống nhất quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của ông Đ. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác nên về nhà thường xuyên kiếm chuyện, gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay vì ông Đ không chịu về nhà. Mặc dù vậy, bà L không đồng ý ly hôn đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà L và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 11-01-2002. Hiện tại, anh Đ1 đã thành niên, tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa

chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Võ Thị L.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật; bà Võ Thị L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị L, bà L có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà L đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L. Ông Đ và ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Đ và ông D. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Ông Đ và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bến Cầu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2002 ngày 08-8-2002 nên hôn nhân giữa ông Đ và bà L là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Đ cho rằng bà L thường xuyên chửi bới, còn bà L cho rằng ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, bà L không đồng ý ly hôn đối với ông Đ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho ông Đ và bà L hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà L không đến, cho thấy bà L không có thiện chí hàn gắn. Ngoài ra, từ thời gian ly

thân cho đến nay bà L cũng thừa nhận không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa ông Đ và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà L có một con chung tên Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 11-01-2002. Hiện tại, anh Đ1 đã thành niên, tự lao động nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà L không yêu cầu giải quyết, vì đã được giải quyết bằng Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 31/2022/HNGĐ-PT ngày 25-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Võ Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Võ Thị L. Ông Đ được ly hôn với bà L.

2. Về con chung: Ông Đ và bà L có một con chung tên Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 11-01-2002. Đối với anh Đ1 đã thành niên, tự lao động nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà L đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên Toà án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0023054 ngày 13-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Võ Thị L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Tiến Danh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- Phòng GĐKTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục Thi hành án H. Bến Cầu;
- UBND xã N (Lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.